UNIT 4. MUSIC AND ARTS

A. VOCABULARY

New words	Meaning	Picture	Example
actor (n)	nam diễn viên		He is one of the country's top actors. Anh ấy là một trong những nam diễn viên hàng đầu quốc gia.
actress (n)	nữ diễn viên		Jennifer Lawrence is a famous American actress. Jennifer Lawrence là một nữ diễn viên người Mỹ nổi tiếng.
audition (n)	buổi thử giọng		We are holding auditions for new singers. Chúng tôi đang tổ chức buổi thử giọng cho các ca sĩ mới.
comedian (n)	diễn viên hài		Comedians make people laugh. Nghệ sĩ hài khiến cho mọi người cười.
compose (v)	sáng tác		Mozart composed his last opera in 1791. Mozart sáng tác bản o-pê-ra cuối cùng năm 1791.
composer (n)	nhà soạn nhạc		He is one of the greatest composers in the world. Ông là một trong những nhà soạn nhạc vĩ đại nhất thế giới.
decorate (v)	trang trí		They need to decorate the living room. Họ cần phải trang trí phòng khách.
drama director (n)	đạo diễn phim		It is not easy to become a drama director. Không dễ dàng để trở thành một đạo diễn phim.

LIVEWORKSHEETS

essential (adj)	thiết yếu		Fresh water is essential for life. Nước sạch là thiết yếu cho sự sống.
guitarist (n)	người chơi ghi-ta		Jim is the guitarist in his band. Jim là người chơi ghi-ta trong nhóm.
leisure (n)	giải trí		The leisure industry is advancing at a fast pace. Ngành công nghiệp giải trí đang phát triển với tốc độ nhanh chóng.
musician (n)	nhạc sĩ		Not many young people know this jazz musician. Không nhiều người trẻ biết đến nhạc sĩ Jazz này.
painter (n)	họa sĩ		Jane is studying to become a painter. Jane đang học để trở thành một họa sĩ.
perform (v)	trình diễn		The singer didn't perform well last night. Ca sĩ diễn không tốt đêm qua.
traditional (adj)	truyền thống		Elderly people like listening to traditional songs. Những người già thích nghe những bài hát truyền thống.

B. GRAMMAR

I. SO SÁNH (COMPARISONS) VỚI "AS….AS", "THE SAME AS", "DIFFERENT FROM"

1. So sánh sự giống nhau: "as…as", "the same as" (giống như)

- Cấu trúc câu so sánh ngang bằng được dùng để so sánh 2 người, vật, … có tính chất gì đó tương đương nhau.

Cấu trúc	**S + to be + as + adj + as + noun/ pronoun/ clause.**	**S + V + the same + noun + as + noun/ pronoun.**

LIVEWORKSHEETS

Ghi chú	S: chủ ngữ, adj: tính từ, noun: danh từ, pronoun: đại từ, clause: mệnh đề.	
Ví dụ	1. Folk music is as melodic as pop music. *(Nhạc dân gian thì du dương như là nhạc pop.)* 2. My paiting is as expensive as hers. *(Bức họa của tôi thì đắt bằng bức họa của cô ấy.)* 3. This camera is as good as it was before. *(Cái máy ảnh này vẫn tốt như ngày nào.)*	1. She is the same height as me. *(Cô ấy có chiều cao như tôi.)* 2. She has the same book as me. *(Cô ấy có cuốn sách giống tôi.)*

2. So sánh sự khác nhau: "not as…as" (không bằng), "different from" (khác)

- Cấu trúc câu so sánh không ngang bằng được dùng để so sánh 2 người, vật, … khác nhau ở một mặt nào đó.

Cấu trúc	**S + to be + not + so/as + adj + as + noun/ pronoun/ clause.**	**S+ to be + different from + noun/ pronoun.**
Ví dụ	1. Black and white movies are not as interesting as colour movies. *(Những bộ phim đen trắng thì không hấp dẫn bằng những bộ phim màu.)* 2. My hometown is not as noisy as yours. *(Quê tôi không ồn ào như quê bạn.)* 3. She is not as famous as she was before. *(Cô ấy không còn nổi tiếng như trước nữa.)*	1. Life in the city is different from life in the countryside. *(Cuộc sống trong thành phố khác cuộc sống ở vùng quê.)* 2. His house is different from my house. *(Ngôi nhà của anh ấy khác ngôi nhà của tôi.)*

LIVEWORKSHEETS

Lưu ý	Ở cấu trúc **"not as…as",** ta có thể thay thế **"as"** đầu tiên bằng **"so".**	

BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

EX1. Hoàn thành các câu dưới đây, sử dụng cấu trúc so sánh "as…as" và tính từ trong ngoặc.

1. I am not _____ you. (tall)

2. This book is not _____ that one. (interesting)

3. This summer is _____ last summer. (hot)

4. Yesterday is was _____ today. (sunny)

5. I think my essay is _____ yours. (good)

6. My dog isn't _____ it appears to be. (fierce)

7. Children nowadays are not _____ they used to be. (active)

8. Watching movie is not _____ reading books. (entertaining)

9. Jane is _____ as a doll. (pretty)

10. Cats are not _____ dogs. (friendly)

11. My brother said that going abroad was not _____ he thought. (amusing)

12. She didn't want to be late, so she run _____ she could. (fast)

13. Please call me _____ possible. (soon)

14. Sleeping on the sofa is not _____ in bed. (comfortable)

15. This hotel is _____ the one near the beach but it is much better. (expensive)

16. My grandmother is _____ fairy godmother. (warm-hearted)

17. Do you think learning Japanese is _____ learning English? (difficult)

18. This musician is not _____ that one. (popular)

19. Ann looks _____ princess in her new dress. (gorgeous)

LIVEWORKSHEETS

20. The river isn't _____ it looks. (deep)

EX2. Dùng cấu trúc so sánh "different from" để hoàn thành những câu dưới đây.

1. My house is small and old. Your house is spacious and modern.

=> My house is _____.

2. My mother's favourite food is noodle. My favourite food is rice.

=> My mother's favourite food _____.

3. My best friend has a powerful personality. I have a weak personality.

=> My best friend's personality _____.

4. Life in the countryside is quiet and peaceful. Life in the city is exciting.

=> _____.

5. Lan's school is Hai Ba Trung School. Hue goes to Nguyen Hue School.

=> _____.

6. My hobby is collecting stamps. My brother's hobby is playing the piano.

=> _____.

7. My answer for this equation is "4" but Tom thinks it should be "5".

=> _____.

8. My sister's hair is long and wavy. My hair is short and straight.

=> _____.

EX3. Hoàn thành các câu dưới đây, sử dụng cấu trúc so sánh "the same….as" và danh từ trong ngoặc.

1. My sister has _____ me. (height)
2. Jim pursues _____ Jane. (hobby)
3. My best friend is at _____ me. (age)
4. My friends went to see _____ me. (movie)
5. This musician plays _____ me. (musical instrument)
6. Critics say that this paiter has _____ with that one. (style)
7. My brother is interested in _____ me. (subject)
8. This class has _____ that one. (number of students)
9. Anne bought _____ me yesterday. (dress)
10. She cut her hair _____ mine. (length)
11. My best friend likes _____ my brother. (books)
12. I bought my car at _____ hers. (price).
13. My mother likes _____ me. (TV programs)
14. He had _____ a famous actor. (appearance)
15. He puts on _____ usual. (old coat)

LIVEWORKSHEETS

EX4. Gạch chân lỗi sai trong các câu sau và viết lại câu đúng.

1. My boyfriend is as strong like a horse.

_____.

2. This exercise isn't hard as I thought.

_____.

3. Life in foreign countries is different life in home country.

_____.

4. My parents share the same hobby as.

_____.

5. His cat isn't the same pretty as mine.

_____.

6. This art museum is definitely different as the historical museum.

_____.

7. Roses don't have the same fragrance like lotuses.

_____.

8. My essay is as length as yours.

_____.

9. This island isn't as beautiful than those I have visited.

_____.

10. My mother is different appearacne from me.

_____.

EX5. Sắp xếp những từ cho sẵn thành câu hoàn chỉnh.

1. difficult/ as/ Playing/ is/ piano/ guitar/ playing/ as/./

_____.

2. horse/ run/ a/ Can/ fast/ as/ a/ as/ train/?/

_____.

3. try/ as/ can/ you/ hard/ as/ should/ You.

LIVEWORKSHEETS

_____.

4. Tom's/ totally/ is/ from/ My/ writing style/ different/./

_____.

5. car/ same/ runs/ the/ speed/ at/ His/ mine/ as/./

_____.

6. I/ went/ My/ school/ friend/ same/ the/ best/ and/ to/./

_____.

7. good/ This/ fridge/ modern/ isn't/ as/ my/ one/ as/ old/./

_____.

8. Spending time/ isn't/ with/ as/ computer/ as/ friends/ entertaining/ on/ spending time/./

_____.

II. CÂU ĐỒNG TÌNH (EXPRESS AGREEMENT) VỚI "TOO/ EITHER"

	TOO	EITHER
Chức năng	Được dùng trong câu khẳng định để diễn tả ý đồng tình với một điều khẳng định trước đó.	Được dùng trong câu phủ định để diễn tả ý đồng tình với một điều phủ định trước đó.
Vị trí	Thường đứng ở cuối câu.	Thường đứng ở cuối câu.
Ví dụ	1. A: I love pop music. (Tôi thích nhạc pop.) B: **I love pop music too./ I love it too.** (Tôi cũng thích nhạc pop.) 2. Tom is interested in dancing, and Kate is interested in dancing too. (Tom thích khiêu vũ và Kate cũng thích khiêu vũ.) 3. I wactched the concert on TV last night, and my husband watched it on TV last night too.	1. A: My sister doesn't know the name of that singer. (Chị gái tôi không biết tên của cô ca sĩ đó.) B: **I don't know either.** Hoặc sử dụng câu rút gọn: **I don't either.** (Tôi cũng không biết.)

LIVEWORKSHEETS

	(Tôi đã xem buổi hòa nhạc trên TV tối qua và chồng tôi cũng xem nó.)	
Lưu ý		Trong câu rút gọn, chúng ta cần sử dụng các trợ động từ ở dạng phủ định.

BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

EX6. Điền "too/ either" vào chỗ trống để hoàn thành câu.

1. My father is a musician. I am a musician _____.

2. I don't like the smell of durian. My sister doesn't like it _____.

3. I can't wait to meet my parents and my sister can't_____.

4. My favourite comedian is Rowan Atkinson. His favourite comedian is Rowan Atkinson_____.

5. My father loves watching football matches on TV and I love it_____.

6. My mother can't open the jar and I can't_____.

7. Jim should go to bed now and you should go to bed _____.

8. Your sister mustn't skip breakfast and you mustn't _____.

9. I find action movies so interesting and James finds them interesting _____.

10. Studying Math isn't easy for me and studying English isn't _____.

EX7. Viết câu đồng tình với "too/ either" trong những câu cho sẵn sau đây.

0. "I am not hungry now."

=>"I am not hungry either."

1. "They are my favourite footballers."

=> "_____."

2. "I want to be a good student."

=> "_____."

3. "I won't come to his party."

=> "_____."

LIVEWORKSHEETS

4. “It is not my pencil.”

=> “_____.”

5. “She will never forgive me.”

=> “_____.”

6. “I really admire him.’

=> “_____.”

7. “Yesterday I couldn’t sleep.”

=> “_____.”

8. ‘I am not working on my project.”

=> “_____.”

9. “I didn’t expect her to win the competition.”

=> “_____.”

10. “I should go out now.”

=> “_____.”

EX8. Đánh dấu √ trước câu đúng. Đánh dấu x trước câu sau, gạch chân lỗi sau và sửa.

1. My sister doesn’t want another ice-cream and I do either.

_____.

2. I will go the park tomorrow and my sister will go to the park too.

_____.

3. My favourite band is The Beatles and his favourite band is The Beatles either.

_____.

4. The apples in our garden are ripe and the oranges won’t ripe too.

_____.

5. My favourite drink is hot cacao. My friend’s favourite drink is beer too.

_____.

6. My wife doesn’t like doing housework and I don’t either.

LIVEWORKSHEETS